

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 291/2017/HNGĐ-ST

Ngày 19/9/2017

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn,
chia tài sản khi ly hôn”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Thái Điền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Nam Hải.

2. Ông: Nguyễn Văn Tươi.

- Thư ký phiên toà: Ông Hồ Quốc Việt - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp “Xin ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Trang A - Sinh năm 1971. (có mặt)

Trú tại: thôn 8B, xã Điện H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm C – Sinh năm 1970. (có mặt)

Trú tại: thôn 8B, xã Điện H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Trần Thị Trang A trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Trang A và ông Phạm C kết hôn với nhau vào ngày 19/11/1990, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Điện H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Quá trình chung sống hạnh phúc, vợ chồng đã sinh được ba con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của bà A là do ông C thường xuyên say xỉn, rượu chè, xúc phạm danh dự bà A, làm tổn thương về tinh thần lẫn thể xác. Bà A đã làm đơn xin ly hôn 02 lần tại Toà án, Tòa án đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, chung sống nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên bà Trần Thị Trang A làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phạm C.

1. Về con chung: Có 03 con chung.

- Phạm Thị Bích H – Sinh ngày 30/11/1990.

- Phạm Trần H – Sinh ngày 25/10/1996.

- Phạm Trần H – Sinh ngày 26/02/1999.

Hiện nay các con đã trưởng thành nên bà A không có yêu cầu giải quyết về con chung.

2. Về tài sản chung: Có 01 ngôi nhà cấp 04 gắn liền với Quyền sử dụng diện tích đất 281m², tại thửa đất số 383(01), tờ bản đồ số 09, mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn. Tại địa chỉ: Thôn 8B, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Phạm Ngọc C và bà Trần Thị Trang A (theo lời khai của vợ chồng bà A thì khi làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất cơ quan chức năng làm sai tên ông C nhưng ông chưa chỉnh sửa). Khi ly hôn bà A yêu cầu chia nhà và đất theo quy định của pháp luật.

3. Về nợ chung: Không có.

Ngoài yêu cầu trên bà A không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông phạm C trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà A là đúng. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có ba con chung với nhau. Thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khoảng tháng 7/2017 bà A có đi đám cưới lâu về nên ông C có gọi điện thoại cho bà A về nhưng bà A không bắt máy. Khi bà A về nhà có xảy ra xô xát, cãi vã. Ngoài ra, thời gian trước thì ông C có đánh vợ nhưng hiện nay thì không còn nữa. Bà A đã làm đơn xin ly hôn ông C 02 lần tại Toà án, Tòa án đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, chung sống nhưng cuộc sống vợ chồng không hàn gắn được. Nay bà Trần Thị Trang A yêu cầu xin ly hôn thì ông Phạm C cũng thuận tình ly hôn .

1. Về con chung: Có 03 con chung.

- Phạm Thị Bích H – Sinh ngày 30/11/1990.
- Phạm Trần H – Sinh ngày 25/10/1996.
- Phạm Trần H – Sinh ngày 26/02/1999.

Hiện nay các con đã trưởng thành nên ông C không có yêu cầu gì về con chung.

2. Về tài sản chung: Có 01 ngôi nhà cấp 04 gắn liền với Quyền sử dụng diện tích đất 281m², tại thửa đất số 383(01), tờ bản đồ số 09, mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn. Tại địa chỉ: Thôn 8B, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Về việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Ngọc C là do sai sót của cơ quan cấp giấy, Phạm Ngọc C và Phạm C là một người.

Khi ly hôn tôi không đồng ý chia tài sản chung mà để lại cho các con.

3. Nợ chung: Không có.

Ngoài các yêu cầu trên ông Phạm C không có yêu cầu gì khác.

Đại diện VKSND thị xã Điện Bàn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. VKS đề nghị HĐXX áp dụng Điều 33, 51, 55, 59 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Trang A và ông Phạm C. Về con chung đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Đề nghị chia đôi, bên nào nhận hiện vật thì sẽ thanh toán cho bên kia phần giá trị chênh lệch

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trần Thị Trang A khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Phạm C và yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Đây là tranh chấp xin ly hôn, chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS. Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Trang A và ông Phạm C là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã có 03 con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà A khai là do ông C thường xuyên say xỉn, rượu chè, xúc phạm danh dự bà A, làm tổn thương về tinh thần lẫn thể xác. Bà A đã làm đơn xin ly hôn 02 lần tại Tòa án, Tòa án đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, chung sống nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên bà Trần Thị Trang A làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phạm C.

Ông Phạm C thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do khoảng tháng 7/2017 bà A có đi đám cưới lâu về nên ông C có gọi điện thoại cho bà A về nhưng bà A không bắt máy, Khi bà A về nhà có xảy ra xô xát, cãi vã. Ngoài ra, thời gian trước thì ông C có đánh vợ nhưng hiện nay thì không còn nữa. Bà A đã làm đơn xin ly hôn ông C 02 lần tại Toà án, Tòa án đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, chung sống nhưng cuộc sống vợ chồng không hàn gắn được. Nay bà Trần Thị Trang A yêu cầu xin ly hôn thì ông Phạm C cũng thuận tình ly hôn .

HĐXX xét thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần hoà giải để vợ chồng Bà A và ông C về đoàn tụ chung sống, xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con chung nhưng bà A vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn ông C và ông C cũng thuận tình ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù đã được hoà giải nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 51, 55 Luật Hôn nhân gia đình xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Trang A và ông Phạm C là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà A và ông C có ba con chung:

- Phạm Thị Bích H – Sinh ngày 30/11/1990.
- Phạm Trần H – Sinh ngày 25/10/1996.
- Phạm Trần H – Sinh ngày 26/02/1999.

Hiện nay các con đã trưởng thành nên bà A và ông C không có yêu cầu giải quyết về con chung nên HĐXX không xét.

[4] Về tài sản chung:

Bà Trần Thị Trang A và ông Phạm C công nhận, vợ chồng có những tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 tường xây có gác lững và sân trị giá: 276.800.236 đồng, gắn liền với quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Phạm Ngọc C (Phạm C) và bà Trần Thị Trang A có diện tích 281m², thửa đất số 383(01), tờ bản đồ số 09, mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn. Tại địa chỉ: Thôn 8B, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, theo thị trường có giá trị là 1,800.000 đồng/m² x 281m² = 505.800.000 đồng. Tổng cộng nhà ở và đất ở trị giá: 782.600.236 đồng. Bà A yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung theo pháp luật, chia đôi giá trị tài sản cho bà A và ông C. Riêng về phần tài sản ông C không đồng ý chia tài sản chung mà để lại cho các con.

Trường hợp này xét thấy: Tài sản chung của bà A, ông C phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nhưng các bên không tự thoả thuận được. Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, nhưng có tính đến các yếu tố như: hoàn cảnh của vợ chồng, công sức đóng góp của vợ chồng vào việc tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản chung. Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập. Như vậy, công sức đóng góp của vợ chồng bà A, ông C ngang nhau. Cho nên, tài sản chung của vợ chồng bà A, ông C sẽ được chia đôi. Ngôi nhà mà vợ chồng bà A, ông C xây dựng tại thôn 8B, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, hiện nay vợ chồng bà A, ông C đang quản

lý, sử dụng. Mặc dù ông C không đồng ý chia tài sản khi ly hôn nhưng đây là tài sản chung nên phải chia khi có một trong các bên yêu cầu.

Sau khi ly hôn, bà A không có nhu cầu về chỗ ở nên bà A đồng ý giao ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất ở cho ông C sở hữu. Ông C phải thanh toán cho bà A phần giá trị chênh lệch là phù hợp với Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình. Tài sản chung của bà A và ông C được chia cụ thể như sau:

+ Phần ông Phạm C được chia:

01 ngôi nhà cấp 4 tường xây có gác lững và sân trị giá: 276.800.236 đồng, gắn liền với quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Phạm Ngọc C (Phạm C) và bà Trần Thị Trang A có diện tích 281m², thửa đất số 383(01), tờ bản đồ số 09, mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn. Tại địa chỉ: Thôn 8B, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, theo thị trường có giá trị là 1,800.000 đồng/m² x 281m² = 505.800.000 đồng. Tổng cộng nhà ở và đất ở trị giá: 782.600.236 đồng.

+ Hướng Đông giáp đường ĐT 605 là: 5,45m.

+ Hướng Tây giáp nương tiêu là: 5,45m.

+ Hướng Nam giáp thửa đất 383 ONT là: 50m. (32m + 18m)

+ Hướng Bắc giáp thửa đất 1209 ONT là: 50m.

(có sơ đồ kèm theo).

Tổng cộng nhà và đất ở ông Phạm C được chia trị giá: 782.600.236 đồng.

- Ông Phạm C phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Trang A số tiền là: 391.300.118 đồng giá trị chênh lệch trong khối tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Căn cứ điều 147 của BLTTDS; Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trần Thị Trang A và ông Phạm C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí tố tụng khác: Bà Trần Thị Trang A tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55 và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 luật phí và lệ phí; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Trang A và ông Phạm C.
2. Về con chung: Bà A và ông C có ba con chung:

- Phạm Thị Bích H – Sinh ngày 30/11/1990.
- Phạm Trần H – Sinh ngày 25/10/1996.
- Phạm Trần H – Sinh ngày 26/02/1999.

Hiện nay các con đã trưởng thành nên bà Trần Thị Trang A và ông Phạm C không có yêu cầu giải quyết.

3. Về chia tài sản chung:

+ Phần ông Phạm C được chia:

01 ngôi nhà cấp 4 tường xây có gác lững và sân trị giá: 276.800.236 đồng, gắn liền với quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Phạm Ngọc C (Phạm C) và bà Trần Thị Trang A có diện tích 281m², thửa đất số 383(01), tờ bản đồ số 09, mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn. Tại địa chỉ: Thôn 8B, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, theo thị trường có giá trị là 1.800.000 đồng/m² x 281m² = 505.800.000 đồng. Tổng cộng nhà ở và đất ở trị giá: 782.600.236 đồng.

+ Hướng Đông giáp đường ĐT 605 là: 5,45m.

+ Hướng Tây giáp mương tiêu là: 5,45m.

+ Hướng Nam giáp thửa đất 383 ONT là: 50m. (32m +18m)

+ Hướng Bắc giáp thửa đất 1209 ONT là: 50m.

(có sơ đồ kèm theo).

Tổng cộng nhà và đất ở ông Phạm C được chia trị giá: 782.600.236 đồng.

- Ông Phạm C phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Trang A số tiền là: 391.300.118 đồng giá trị chênh lệch trong khối tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Trang A tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm và 19.565.005 đồng án phí chia tài sản, tổng cộng số tiền án phí bà Trần Thị Trang A phải chịu là 19.865.005 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.050.000 đồng theo biên lai thu số 0008542 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ. Bà A còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 15.815.005 đồng (mười lăm triệu tám trăm mười lăm nghìn không trăm không chục năm đồng).

Ông Phạm C phải chịu 19.565.005 đồng án phí chia tài sản.

5. Về chi phí tố tụng khác: Bà Trần Thị Trang A tự nguyện chịu chi phí định giá là 1.000.000 đồng. (Bà A đã nộp xong tiền định giá).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong án, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên

phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Toà án Tỉnh
- VKSND thị xã
- Các đương sự
- THADS thị xã
- UBND xã Đ
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Điền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nam Hải Nguyễn Văn Tươi

Thái Điền

